

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 01 - 2025

“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy T** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**; Trụ sở: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Tầng A, tòa nhà P, số B đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Thanh H** – Chức vụ: Chuyên gia Tổ tụng – Khối QL & TCTTS và ông **Phạm Minh H1** – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng (*Theo văn bản ủy quyền 21689/UQ-PVB ngày 27/9/2024*). Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ E, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ (Gọi tắt là Ngân hàng Đ) trình bày:* Ngày 16/8/2018 bà Phan Thị Thanh T1 có Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P số 1608201810514865/TTD/PVB về việc phát hành thẻ tín dụng đứng tên bà Phan Thị Thanh T1 và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xác nhận chấp thuận cấp thẻ tín dụng có hạn mức: 50.000.000đ, lãi suất thẻ: 25%/năm.

Bà T1 đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt và thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng theo quy định. Tuy nhiên, bà không thực hiện thanh toán đúng như cam kết và bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 01/8/2021. Theo đó, tạm tính đến hết ngày 26/8/2024 bà Phan Thị Thanh T1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng nghĩa vụ phát sinh từ thẻ tín dụng là 202.637.997đ (*Trong đó: Nợ gốc 49.997.418đ, nợ lãi 58.929.463đ và các khoản phí 93.711.116đ*).

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ nói trên và tiếp tục tính lãi dựa trên hợp đồng kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tính đến ngày xét xử 16/01/2025 số tiền nợ của bà T1 là 260.556.354đ, trong đó nợ gốc là 49.997.418đ, nợ lãi là 72.275.592đ, các loại phí phạt tổng cộng là 138.283.344đ.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn Phan Thị Thanh T1 nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Do đó không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện các quyền của mình. Bị đơn Phan Thị Thanh T1 đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Phan Thị Thanh T1 là đảm bảo về mặt chủ thể, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị Thanh T1 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 16/01/2025 là 260.556.354đ. Trong đó nợ gốc là 49.997.418đ, nợ lãi là 72.275.592đ, các loại phí phạt tổng cộng là 138.283.344đ. Lãi suất tiếp tục tính theo hợp đồng kể từ ngày 17/01/2025 cho đến khi bà T1 thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng Đ và bà Phan Thị Thanh T1, bị đơn

Phan Thị Thanh T1 cư trú tại quận N, nên Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ tổ E, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ chứng cứ vụ án thể hiện vào ngày 16/8/2018 trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, Ngân hàng Đại Chúng cấp cho bà Phan Thị Thanh T1 thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ. Tại phần xác nhận tại mục 8.3 khoản 8 của đơn đề nghị thể hiện *“Tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi các quy định trong bản điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại P. Tôi/chúng tôi hiểu rằng bằng điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại P cùng với Đơn đề nghị phát hành thẻ này tạo thành một hợp đồng ràng buộc pháp lý giữa tôi/chúng tôi và Ngân hàng về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng...”*. Mục số 13 bằng điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ quy định về cách tính lãi *“Lãi suất cho vay đối với việc sử dụng thẻ tín dụng do P ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố trên website chính thức của P”*.

[2.1] Như vậy, *“Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”* là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Phan Thị Thanh T1 và Ngân hàng Đ, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các thông báo về mức lãi suất, phí dịch vụ của Ngân hàng tương ứng từng giai đoạn. Căn cứ vào quy định của Ngân hàng về ban hành mức lãi suất, thu phí rút tiền mặt, phí phạt chậm thanh toán. Trên cơ sở số tiền thực tế giao dịch, thời gian chậm thanh toán của bà Phan Thị Thanh T1, Ngân hàng đã chứng minh được tính đến ngày xét xử 16/01/2025, bà T1 đã nợ số tiền tổng cộng là 260.556.354đ. Trong đó nợ gốc là 49.997.418đ, nợ lãi là 72.275.592đ, các loại phí phạt tổng cộng là 138.283.344đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả số tiền nói trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất, tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị bà T1 phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng kể từ ngày 17/01/2025 là phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật

các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bà Phan Thị Thanh T1.

Xử:

1. Buộc bà Phan Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ tổng cộng là 260.556.354đ (*Hai trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó nợ gốc là 49.997.418đ, nợ lãi là 72.275.592đ, các loại phí phạt tổng cộng là 138.283.344đ.

Lãi suất tiếp tục tính kể từ ngày 17/01/2025 dựa trên hợp đồng đã giao kết cho đến khi bà Phan Thị Thanh T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ được ký kết giữa các bên.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Thanh T1 phải chịu 13.027.817đ (*Mười ba triệu không trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm mười bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.338.000đ (*Năm triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003500 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận NHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Công Quốc